

Chương III

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG VẬT LIỆU TRONG CÔNG TÁC LÀM GIÀN GIÁO

13.10000 - ĐỊNH MỨC VẬT LIỆU GIÀN GIÁO TRE

Hướng dẫn áp dụng:

1/ Định mức vật liệu làm giàn giáo

a- Giàn giáo tre (bao gồm cả cầu thang lên xuống) chỉ được dùng khi xây tường, xây trụ các loại nhà mà mỗi tầng có độ cao trên 4m hay tường thu hồi nhà mái dốc cao trên 4m.

Chiều cao của kết cấu là cao độ so với độ cao ± 0.00 của công trình

Khối lượng tường được tính để bắc giàn giáo xây quy định như sau:

+ Tường thu hồi nhà mái dốc tính từ khối lượng tường từ mặt nền hay mặt sàn trên cùng lên đến đỉnh nóc (đỉnh cao nhất của bức tường).

+ Tường của nhà cao trên 4m, tầng nào được bắc giàn giáo thì tính khối lượng tường riêng của tầng ấy.

b- Xây tường các loại nhà mà mỗi tầng có độ cao từ 4m trở xuống thì phải dùng giàn giáo công cụ để xây.

c- Định mức vật liệu làm giàn giáo cho $1m^3$ xây đã kể đến tỷ lệ cửa trong các bức tường. Định mức vật liệu làm giàn giáo xây tường 45cm trở lên đã tính với điều kiện bắc giáo 2 mặt.

d- Tre làm giàn giáo xây tường, làm cầu vượt đường dây thông tin phải sử dụng luân chuyển 3 lần, từ lần thứ 2 trở đi mỗi lần được bù hao hụt 10% so với lần đầu. Mỗi lần dỡ giàn giáo được tính thêm 1 lần luân chuyển.

Trường hợp do yêu cầu kỹ thuật thi công phải kéo dài thời gian sử dụng thì nếu để trên 6 tháng được tính 2 lần luân chuyển, trên 12 tháng được tính 3 lần luân chuyển,... kể từ ngày dùng giàn giáo để xây.

Trường hợp dùng các loại cây chống khác thay tre thì chọn quy cách tương tự như quy định đối với tre. Nếu dùng gỗ thì phải luân chuyển 7 lần, từ lần thứ hai mỗi lần được bù hao hụt 10% so với lần đầu.

Ván lót phải sử dụng luân chuyển 7 lần, từ lần thứ 2 trở đi, mỗi lần được bù hao hụt 15% so với lần đầu. Mỗi lần dỡ giàn giáo được tính một lần luân chuyển của ván lót.

Dây buộc không sử dụng luân chuyển. Khi sử dụng đinh thay dây thì cứ 1m dây được thay bằng 0,02kg đinh.

Số lượng vật liệu làm giàn giáo tính vào đơn giá $1m^3$ xây (gồm luân chuyển và bù hao hụt) bằng số lượng trong định mức nhân với hệ số luân chuyển ghi trong bảng số hệ số luân chuyển trong mục III chương I- phần thứ nhất của tập định mức này.

2/ Định mức vật liệu làm giàn giáo để trát, giàn giáo để đóng cọc, đóng cừ

a- Giàn giáo tre (bao gồm cả cầu thang lên xuống) chỉ được dùng để trát trần, trát tường nhà mà mỗi tầng nhà có độ cao từ nền đến mặt trên của sàn hoặc mặt trên của sàn này với mặt trên của sàn kia có độ cao trên 4,5m; hay đối với công tác đóng cọc mà chiều cao đóng cọc, ván cừ >4m; hoặc là trát các loại kết cấu nói trên với điều kiện kết cấu trát đó không có giàn giáo xây hoặc điều kiện kỹ thuật thi công không thể dùng các loại công cụ cải tiến như giáo ngoàm, quang treo, giáo, ghế,...

b- Diện tích tường, ván cừ để tính giàn giáo quy định như sau:

- Mặt tường hay trần nào được bắc giàn giáo trát thì diện tích tường, trần để tính định mức vật liệu làm giàn giáo là toàn bộ diện tích mặt đó.

- Riêng mặt ngoài tường chu vi nếu được bắc giàn giáo trát thì diện tích tường để tính định mức vật liệu làm giàn giáo là toàn bộ diện tích trát từ mặt nền lên đến nóc.

- Diện tích ván cừ tính một mặt và theo chiều dài của ván cừ.

c- Trường hợp không được làm giàn giáo tre thì khi trát tường, trần, mái được dùng giàn giáo công cụ như giáo ngoàm, quang treo, giáo ghế, thang ...

d- Định mức vật liệu làm giàn giáo cho 1m² trát đã kể đến tỷ lệ cửa trong các bức tường.

e- Tre làm giàn giáo phải sử dụng luân chuyển 10 lần, từ lần thứ 2 trở đi, mỗi lần được bù hao hụt 10% so với lần đầu. Mỗi lần dỡ giàn giáo được tính 1 lần luân chuyển. Trường hợp do yêu cầu kỹ thuật thi công phải kéo dài thời gian sử dụng thì nếu để trên 2 tháng được tính 2 lần luân chuyển, trên 4 tháng được tính 3 lần luân chuyển,...

Ván lót phải sử dụng luân chuyển 20 lần, từ lần thứ 2 trở đi, mỗi lần được bù hao hụt 15% so với lần đầu. Mỗi lần dỡ giàn giáo được tính 1 lần luân chuyển của ván lót. Cặp định hướng, gông cọc cừ luân chuyển 15 lần, không bù hao hụt.

Dây buộc không phải tính luân chuyển.

Muốn có số lượng vật liệu làm giàn giáo để tính vào đơn giá 1m² trát (kể đến luân chuyển và bù hao hụt) thì lấy số lượng vật liệu trong bảng định mức nhân với hệ số luân chuyển ghi trong mục III chương I- phần thứ nhất của tập định mức này.

13.11000 - Định mức vật liệu làm giàn giáo tre trong công tác xây tường và kết cấu tương tự khác

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị tính	Vật liệu dùng cho 1 đơn vị định mức		
			Loại vật liệu	Đơn vị	Số lượng
13.11001	Giàn giáo xây tường dày 11cm hoặc các kết cấu tương tự khác	1m ² xây	Tre ø8cm, dài 6m	cây	1,0000
			Gỗ ván lót 4cm	m ³	0,0082
			Dây buộc	m	6,0000
13.11002	Giàn giáo xây tường dày 22cm hoặc các kết cấu tương tự khác	1m ³ xây	Tre ø8cm, dài 6m	cây	4,5000
			Gỗ ván lót 4cm	m ³	0,0378
			Dây buộc	m	6,0000
13.11003	Giàn giáo xây tường dày 33cm hoặc các kết cấu tương tự khác	1m ³ xây	Tre ø8cm, dài 6m	cây	3,0000
			Gỗ ván lót 4cm	m ³	0,0250
			Dây buộc	m	19,000
13.11004	Giàn giáo xây tường dày 45 ÷ 60cm hoặc các kết cấu tương tự khác	1m ³ xây	Tre ø8cm, dài 6m	cây	4,4000
			Gỗ ván lót 4cm	m ³	0,0370
			Dây buộc	m	27,000
13.11005	Giàn giáo xây tường dày 60 ÷ 80cm hoặc các kết cấu tương tự khác	1m ³ xây	Tre ø8cm, dài 6m	cây	3,1428
			Gỗ ván lót 4cm	m ³	0,0342
			Dây buộc	m	19,000
13.11006	Giàn giáo xây tường dày 80 ÷ 100cm hoặc các kết cấu tương tự khác	1m ³ xây	Tre ø8cm, dài 6m	cây	2,4400
			Gỗ ván lót 4cm	m ³	0,0260
			Dây buộc	m	6,0000
13.11007	Giàn giáo xây tường dày 100 ÷ 150cm hoặc các kết cấu tương tự khác	1m ³ xây	Tre ø8cm, dài 6m	cây	1,8330
			Gỗ ván lót 4cm	m ³	0,0200
			Dây buộc	m	4,5000
13.11008	Giàn giáo xây tường dày 150 ÷ 200cm hoặc các kết cấu tương tự khác	1m ³ xây	Tre ø8cm, dài 6m	cây	1,2220
			Gỗ ván lót 4cm	m ³	0,0130
			Dây buộc	m	3,0000
13.11009	Giàn giáo xây tường dày > 200cm hoặc các kết cấu tương tự khác	1m ³ xây	Tre ø8cm, dài 6m	cây	1,1000
			Gỗ ván lót 4cm	m ³	0,0120
			Dây buộc	m	3,0000

Định mức vật liệu làm giàn giáo tre (tiếp theo)

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị tính	Vật liệu dùng cho 1 đơn vị định mức		
			Loại vật liệu	Đơn vị	Số lượng
13.11010	Cột xây vòm : Đỉnh vòm dày $\leq 22\text{cm}$ Khẩu độ $\leq 100\text{cm}$	1m ³ xây	Gỗ ván, ly tô dày 3cm	m ³	0,1500
			Gỗ vành chống	m ³	0,2050
			Đinh bình quân 6cm	kg	0,3500
			Đinh đĩa $\phi 10$	cái	25,000
13.11011	Cột xây vòm : Đỉnh vòm dày $>22\text{cm}$ khẩu độ $>100\text{cm}$	1m ³ xây	Gỗ ván, ly tô dày 3cm	m ³	0,0860
			Gỗ vành chống	m ³	0,1750
			Đinh bình quân 6cm	kg	0,3140
			Đinh đĩa $\phi 10$	cái	15,000

13.12000 - Định mức vật liệu làm giàn giáo trát, giàn giáo đóng cọc cừ

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị tính	Vật liệu dùng cho 1 đơn vị định mức		
			Loại vật liệu	Đơn vị	Số lượng
13.12001	Giàn giáo trát tường	1m ² trát	Tre $\phi 8\text{cm}$, dài 6m	cây	0,750
			Gỗ ván lót 4cm	m ³	0,007
			Dây buộc	m	3,500
13.12002	Giàn giáo trát trần, mái	1m ² trát	Tre $\phi 8\text{cm}$, dài 6m	cây	1,010
			Gỗ ván lót 4cm	m ³	0,010
			Dây buộc	m	4,500
13.12003	Nếu tường cao hơn 4,5m thì cứ tăng 1,0m được tính thêm	1m ² trát	Tre $\phi 8\text{cm}$, dài 6m	cây	0,140
			Dây buộc	m	1,000
13.12004	Giàn giáo đóng cọc, cừ	1m cừ hoặc 1m móng cọc	Tre $\phi 8\text{cm}$, dài 6m	cây	5,000
			Gỗ ván lót 4cm	m ³	0,052
			Dây buộc	m	8,000
13.12005	Cấp định hướng, gông, cọc, cừ	1m cừ hoặc 1m móng cọc	Gỗ hộp	m ³	0,030